

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, về : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 1995. Địa chỉ: 216 đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1986. Địa chỉ: 216 đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2018, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bảo Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Y và anh Trần Ngọc T sau một thời gian tìm hiểu đến năm 2013 đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 33/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tài không lo làm ăn mà thường xuyên đi nhậu, mặc dù chị Y đã cố gắng hàn gắn, bên cạnh đó vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Y nhận thấy mâu

thuần vợ chồng trầm trọng và không thể hòa giải được nên chị Yến xin được ly hôn với anh Tài.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/9/2012 và cháu Trần Nguyễn Tường VA, sinh ngày 22/6/2015. Khi mới sống ly thân thì 02 con chung sống với chị Yến nhưng đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì anh Tài mang cháu Trần Nguyễn Tường V về sống với anh Tài cho đến nay vì vậy nay chị Y yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Tường V còn cháu Trần Nguyễn Tường VA giao cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Ngọc T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tài vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.
- Về nội dung:

Hôn nhân: Chị Yến và anh Tài mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y xử cho chị Yến được ly hôn với anh T.

Con chung: Yêu cầu về nuôi con của chị Yến là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Nguyễn Tường V cho chị Yến nuôi dưỡng còn cháu Trần Nguyễn Tường VA giao cho anh Tài nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu và tài sản chung, nợ chung không có.

Về án phí: Chị Yến phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bảo Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Trần Ngọc Tài, địa chỉ: 216 đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh Trần Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Y và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 33/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp.

[3] Chị Yến cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay không còn quan tâm đến nhau. Theo xác minh mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương cung cấp: Về mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết vì không có ai báo cáo chỉ biết chị Y và con không còn sống chung với anh T tại địa phương hơn 01 năm nay. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng, từ đó cho thấy anh Tài không có thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ mà để mặc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/9/2012 và cháu Trần Nguyễn Tường VA, sinh ngày 22/6/2015. Khi mới sống ly thân thì 02 con chung sống với chị Y nhưng đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì anh T mang cháu Trần Nguyễn Tường VA về sống với anh T cho đến nay vì vậy nay chị Y yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Tường V còn cháu Trần Nguyễn Tường VA giao cho anh Tài nuôi dưỡng. Xét thấy trong thời gian cháu V sống chung với chị Y và cháu VA sống chung với anh Tài, các con được chị Y và anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi của các con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của chị Y là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Yến là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo Y.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo Yến được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Tường VA, sinh ngày 19/9/2012 cho anh Trần Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cháu Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Bảo Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đã thành niên và

có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Bảo Y đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003169 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy chị Nguyễn Thị Bảo Y đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND Tp.Pleiku;
 - THADS Tp.Pleiku;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Yên Đỗ, TP. Pleiku
- GCNKH số 33/2013.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

